TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 4880/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2024
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Tiến Dũng

2/ Ông Dương Hoàng Chinh

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Ánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1148/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024, về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7836/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Nguyễn K - sinh năm 1968

Căn cước công dân số xxxxxxxxx689 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 15/3/2022

Thường trú: số D Đường số G, Khu phố B, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn yêu cầu vắng mặt)

2/ Bị đơn: Bà Ngô Thị Kim L - sinh năm 1979

Chứng minh nhân dân số xxxxxxxxx

Thường trú: số I Đường số H, Khu phố F, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày của ông Nguyễn K trong quá trình tham gia tố tụng:

Ông và bà Ngô Thị Kim L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002, có tổ chức hỏi cưới, đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân phường B, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống đến năm 2012 thì ông bị tai biến, sức khỏe giảm sút nên cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn sự thương yêu, chia sẻ với nhau. Năm 2014, bà L đã bỏ đi, không còn chung sống với ông cho đến nay. Nay ông đã suy nghĩ kỹ và xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà L.

- Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Ngô Mẫn Huỳnh S ngày 30/10/2002 và Nguyễn Ngô Anh M sinh ngày 24/4/2005. Cả 02 con chung đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Ngày 09/8/2024 ông Nguyễn K có đơn yêu cầu vắng mặt trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án.

Bà Ngô Thị Kim L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Ngô Thị Kim L cư trú tại thành phố T nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Nguyễn K có đơn yêu cầu vắng mặt, bà Ngô Thị Kim L đã được tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Xét yêu cầu của các đương sự:

[3.1] Về hôn nhân:

Ông Nguyễn K và bà Ngô Thị Kim L tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau theo giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01/2002 do Ủy ban nhân dân phường B, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/3/2002. Do đó, hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Nay ông K nộp đơn yêu cầu ly hôn với bà L, trong quá trình giải quyết vụ án ông K kiên quyết yêu cầu ly hôn.

Xét yêu cầu ly hôn của ông K: Ông K và bà L kết hôn hợp pháp, theo ông K trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do vợ chồng không còn sự thương yêu, chia sẻ với nhau. Năm 2014, bà L đã bỏ đi, không còn chung sống với ông cho đến nay. Xét thấy, để duy trì cuộc sống gia đình hạnh phúc thì cả hai vợ chồng cần có sự tôn trọng, thương yêu, chia sẻ với nhau, cả hai đều cùng có mong muốn xây dựng gia đình chung sống cùng nhau. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần bà L đến Tòa nhưng bà L vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của bà L. Trong khi đó, ông K kiên quyết yêu cầu ly hôn. Như vậy, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa ông K và bà L đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông K là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Căn cứ vào giấy khai sinh số 256, quyển số 02/2002 do Ủy ban nhân dân phường T, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/11/2002 cho Nguyễn Ngô Mẫn H; giấy khai sinh số 43, quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân phường B, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/5/2005 cho Nguyễn Ngô Anh M có căn cứ xác định ông K và bà L có 02 con chung tên Nguyễn Ngô Mẫn Huỳnh S ngày 30/10/2002 và Nguyễn Ngô Anh M sinh ngày 25/4/2005. Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành.

[3.3] Về tài sản chung: Ông K xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Ông K xác định không có.

[4] Về án phí: Ông K phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn K được ly hôn với bà Ngô Thị Kim L.

2. Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Ngô Mẫn Huỳnh S ngày 30/10/2002 và Nguyễn Ngô Anh M sinh ngày 25/4/2005. Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn K xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Nguyễn K xác định không có.

5. Về án phí: Ông Nguyễn K phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Nguyễn K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026780 ngày 09/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Ông Nguyễn K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền

yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân TP.HCM;
- VKS nhân dân TP.HCM;
- VKS nhân dân TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các bên đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lệ Thủy